

TỔNG HỢP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(QUÝ II-2012)

TP. HCM – tháng 07/ 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TOHO

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.428.768.303.228	1.519.771.010.247
<u>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</u>	110		76.792.700.406	145.807.322.249
1. Tiền	111	V.01	73.487.033.529	142.501.655.372
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.305.666.877	3.305.666.877
<u>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	120	V.02	7.229.054.520	8.129.860.614
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.073.727.882	12.476.275.919
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.844.673.362)	(4.346.415.305)
<u>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	130		1.213.443.880.581	1.117.377.391.923
1. Phải thu của khách hàng	131		1.087.854.066.978	1.056.353.923.445
2. Trả trước cho người bán	132		23.256.324.379	14.914.798.742
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	107.688.953.371	47.815.489.618
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5.355.464.147)	(1.706.819.882)
<u>IV. Hàng tồn kho</u>	140		108.946.894.578	90.159.909.339
1. Hàng tồn kho	141	V.04	108.946.894.578	90.159.909.339
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<u>V. Tài sản ngắn hạn khác</u>	150		22.355.773.143	158.296.526.122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		133.666.634	137.338.634
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.494.785.415	7.356.118.058
3. Thuế và các khoản phải thu NN	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.727.321.094	150.803.069.430

B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		428.144.081.545	374.273.773.871
<u>I. Các khoản phải thu dài hạn</u>	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<u>II. Tài sản cố định</u>	220		85.184.750.329	78.265.431.685

1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	39.737.184.067	33.973.216.083
. Nguyên giá	222		56.816.436.554	48.449.813.826
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.079.252.487)	(14.476.597.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
. Nguyên giá	225			
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	37.057.495.990	37.125.611.086
. Nguyên giá	228		37.686.961.246	37.686.961.246
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(629.465.256)	(561.350.160)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	8.390.070.272	7.166.604.516
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
. Nguyên giá	241			
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		339.954.246.548	292.062.528.718
1. Đầu tư vào công ty con	251		265.584.000.000	235.584.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.550.000.000	1.750.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	81.396.618.092	81.396.618.092
4. Dự phòng giảm giá DTTC dài hạn (*)	259		(29.576.371.544)	(26.668.089.374)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.005.084.668	3.945.813.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.005.084.668	3.945.813.468
4. Lợi thế thương mại				
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		1.856.912.384.773	1.894.044.784.118

NGUỒN VỐN		MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1		2		3	4
A. Nợ phải trả		300		1.294.630.307.108	1.367.181.332.643
(300 = 310 + 330)					
I. Nợ ngắn hạn		310		1.294.470.743.193	1.367.021.768.728
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.13	665.863.998.452	546.070.792.133
2. Phải trả người bán		312	V.14	566.705.783.852	715.252.480.611
3. Người mua trả tiền trước		313	V.14	49.481.013.363	90.847.569.026
4. Thuế và các khoản phải nộp NN		314	V.15	3.689.752.286	3.543.992.170
5. Phải trả người lao động		315	V.16	1.519.420.000	1.592.800.000
6. Chi phí phải trả		316	V.17	793.798.887	2.071.213.829
7. Phải trả nội bộ		317			
8. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD		318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.18	2.726.425.570	2.423.747.584
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320			
11. Quỹ Khen thưởng - PLTT		323		3.690.550.783	5.219.173.375
II. Nợ dài hạn		330		159.563.915	159.563.915
1. Phải trả dài hạn người bán		331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332	V.19		

3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		159.563.915	159.563.915
7. Doanh thu chưa thực hiện	337			

B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		562.282.077.665	526.863.451.475
I Vốn chủ sở hữu	410		562.282.077.665	526.863.451.475
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.183.610.000	295.183.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.531.767.160	153.531.767.160
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		65.997.808.961	65.997.808.961
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.861.832.312	11.861.832.312
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		35.849.549.032	430.922.842
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.24		
1. Lợi ích cổ đông thiểu số				
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		1.856.912.384.773	1.894.044.784.118

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)			\$ 453.561,20	\$ 44.466,66
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Lập ngày 16 tháng 07 năm 2012
Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Bình Trọng

Nguyễn Ngọc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Dạng đầy đủ)
QUÝ II NĂM 2012

TOHO(SMC)	Chỉ tiêu	MS	TM	Quý II			Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Năm nay (2012)	Năm trước (2011)	Năm nay (2012)	Năm trước (2011)	Đơn vị tính: đồng	
								4	5
1.	Doanh thu bán hàng	01	VI.25	1.981.322.181.256	1.940.381.313.419	3.715.579.274.869	3.589.576.266.927		
	<i>Trong đó:</i>								
	Doanh thu xuất khẩu			263.509.876.371	31.724.033.369	270.361.172.199	39.328.101.460		
	Doanh thu hàng hoá			1.717.472.434.885	1.908.490.990.050	3.444.711.942.670	3.549.915.585.467		
	Doanh thu dịch vụ			339.870.000	166.290.000	506.160.000	332.580.000		
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			3.167.737.764	1.346.358.299	3.167.737.764		
3.	Doanh thu thuần	10		1.981.322.181.256	1.937.213.575.655	3.714.232.916.570	3.586.408.529.163		
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1.951.197.943.198	1.900.066.362.270	3.655.062.792.788	3.507.244.659.760		
5.	Lợi nhuận gộp	20		30.124.238.058	37.147.213.385	59.170.123.782	79.163.869.403		
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	37.636.811.145	8.397.864.715	56.384.077.874	14.853.655.565		
7.	Chi phí tài chính	22	VI.28	17.653.216.631	27.276.141.408	36.344.972.108	51.147.746.173		
	<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		11.366.450.245	17.496.199.355	27.210.077.329	37.615.056.248		
	<i>Dự phòng tài chính</i>			1.406.540.227	8.534.047.951	1.406.540.227	8.534.047.951		
8.	Chi phí bán hàng	24		6.513.269.394	7.852.380.667	12.343.827.305	14.760.706.793		
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.103.298.192	7.264.482.111	17.165.550.067	14.996.441.529		
10.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		32.491.264.986	3.152.073.914	49.699.852.176	13.112.630.473		

TOHO(SMC)

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	MS	TM	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay (2012)	Năm trước (2011)	Năm nay (2012)	Năm trước (2011)
1	2	3	4	5	6	7
11. Thu nhập khác	31		4.682.638.600	1.482.122.394	5.677.922.280	1.803.931.436
12. Chi phí khác	32		239.096.591	4.012.478	251.132.293	21.791.683
13. Lợi nhuận khác	40		4.443.542.009	1.478.109.916	5.426.789.987	1.782.139.753
14. Lợi nhuận từ Công ty L/ Doanh, L/ Kết						
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.934.806.995	4.630.183.830	55.126.642.163	14.894.770.226
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.30	3.869.259.431	767.080.897	4.762.190.973	3.026.740.897
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V1.30				
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		33.065.547.564	3.863.102.933	50.364.451.190	11.868.029.329
Lãi/lỗ sau thuế phân bổ cho:						
19. Cổ đông thiểu số						
20. Cổ đông Công ty (mẹ)						
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Ngày 16 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ-THƯƠNG MẠI SMC BÌNH DƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH



Nguyễn Bình Trọng

Nguyễn Ngọc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ II NĂM 2012

TOHO (SMC)

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	MS	TM	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (2012)	Năm trước (2011)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, dịch vụ, doanh thu khác	01		4.334.248.228.874	3.531.544.329.769
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		3.108.345.922.460	3.048.470.372.677
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		7.658.688.619	6.559.856.146
4. Tiền chi trả lãi vay	04		28.578.999.151	45.640.718.347
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		4.502.848.193	4.754.211.007
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.324.085.700	405.507.039.781
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		507.249.885.966	230.998.113.627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		681.235.970.185	600.628.097.746
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		1.124.252.659	1.852.305.560
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ..	22			22.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			250.850.001.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị	24			213.658.360.539
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		462.050.209.932	89.278.316.713
<i>a. Chi mua chứng khoán</i>			1.858.764.000	489.471.000
<i>b. Chi nộp tiền ký quỹ</i>			409.391.445.932	88.072.845.713
<i>c. Chi góp vốn liên doanh</i>			50.800.000.000	
<i>d. Chi cấp vốn</i>				716.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		80.651.968.248	342.243.750
<i>a. Thu hồi tiền ký quỹ</i>			80.651.968.248	249.243.750
<i>b. Thu hồi tiền cọc mua chứng khoán</i>				
<i>d. Thu tiền vốn cấp</i>				93.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.692.096.507	2.745.580.240
<i>a. Thu tiền lãi ký quỹ</i>				23.205.000
<i>b. Thu tiền cổ tức</i>			4.692.096.507	2.722.375.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(377.830.397.836)	(125.212.438.744)

Chỉ tiêu	MS	TM	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (2012)	Năm trước (2011)
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp CSH	31		129.954.921.112	62.055.365.250
<i>a. Thu lãi tiền gửi Ngân hàng; Rút gốc TGTK</i>			123.763.278.966	57.222.396.270
<i>b. Thu lãi tiền gửi tiết kiệm</i>			1.948.124.146	3.714.578.980
<i>c. Doanh thu hoạt động chứng khoán</i>			4.243.518.000	1.118.390.000
<i>d. Tiền thu từ phát hành CP, chênh lệch thặng dư</i>				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP..	32		123.305.666.877	25.372.800.000
<i>a. Chi mua cổ phiếu quỹ, chi gửi TGTK</i>			123.305.666.877	25.372.800.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.017.975.242.300	1.326.082.108.498
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		2.380.344.964.686	1.881.168.639.383
<i>a. Chi trả nợ gốc vay</i>			2.380.344.964.686	1.881.168.639.383
<i>b. Chi trả tiền kỳ quỹ</i>				
5. Tiền chi trả nợ vay tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		14.755.825.000	14.196.423.420
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(370.476.293.151)	(532.600.389.055)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(67.070.720.802)	(57.184.730.053)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		145.807.322.249	81.377.217.859
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.943.901.041)	(2.785.898.064)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		76.792.700.406	21.406.589.742

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập ngày 16 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)





Nguyễn Văn Phóng

Nguyễn Bình Trọng

Nguyễn Ngọc Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0 3 0 3 5 2 2 2 0 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý II và 6 tháng đầu năm 2012**

Báo cáo Tài chính (tổng hợp) Quý II & 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại SMC bao gồm số liệu tổng hợp của Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại SMC và các chi nhánh trực thuộc (Chi nhánh SMC tại Hà Nội và Đà Nẵng)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung gió nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng, lắp đặt công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sửa chữa nhà ở, trang trí nội ngoại thất; Lập dự án đầu tư xây dựng; Kinh doanh nhà; Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất nhập khẩu.
4. **Tổng số các công ty thành viên** : 07
5. **Danh sách các công ty thành viên**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu.	100 %	100 %
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An – Bình Dương	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành – BRVT	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè – TP. HCM	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, P. 25, Bình Thạnh – HCM	100%	100%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh – TP. Hà Nội	80,64%	80,64%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0 3 0 3 5 2 2 2 0 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

6. Danh sách chi nhánh trực thuộc

Tên chi nhánh	Mã số thuế	Địa chỉ	Hạch toán
CN Công ty CP Đầu tư - Thương mại SMC	0303522206-002	Tầng 7, tòa nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm - Hà Nội	Phụ thuộc
CN Công ty CP Đầu tư - Thương mại SMC tại Đà Nẵng	0303522206-004	76-78 Bạch Đằng, Hải Châu - Đà Nẵng	Phụ thuộc

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

+ Chi trả cổ tức đợt cuối (lần 02) năm 2011

+ Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 (Thứ Bảy, ngày 07/04/2012 tại Hội trường Thống Nhất)

+ Chi nhánh Công ty CP Đầu tư – Thương mại SMC (tại Hà Nội) tiến hành thủ tục xin giải thể.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2012 là năm tài chính thứ 8 kể từ khi Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc, thành viên hình thành bộ máy kế toán riêng. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu Báo cáo tài chính của các chi nhánh trực thuộc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty thành viên (con)

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0303522206

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Nhập sau xuất trước, kết chuyển GVHB vào ngày cuối tháng/lần và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0303522206

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
7. Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng..	
<i>Quyền sử dụng đất</i>	
Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...	
8. Chi phí đi vay	
Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.	
Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.	
9. Đầu tư tài chính	
Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.	
Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.	
Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.	
10. Chi phí trả trước dài hạn	
Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0303522206

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại SMC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2010 với mức thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0303522206

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận, xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2012 : 20.828 VND/ USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0 3 0 3 5 2 2 2 0 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TỔNG HỢP) SMC**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	V.01	30/06/12	01/01/12
Tiền mặt		533.656.683	506.573.524
Tiền gửi ngân hàng		72.953.376.846	141.995.081.848
Tiền gửi tiết kiệm (Kỳ hạn ≤ 3 tháng)		3.305.666.877	3.305.666.877
Cộng		76.792.700.406	145.807.322.249

2. Đầu tư ngắn hạn

	V.02	30/06/12	01/01/12
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		10.073.727.882	12.476.275.919
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.844.673.362)	(4.346.415.305)
Cộng		7.229.054.520	8.129.860.614

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

		30/06/12	01/01/12
Phải thu khách hàng		1.087.854.066.978	1.056.353.923.445
Trả trước người bán		23.256.324.379	14.914.798.742
Phải thu khác		107.688.953.371	47.815.489.618
Dự phòng phải thu khó đòi		(5.355.464.147)	(1.706.819.882)
Cộng		1.213.443.880.581	1.117.377.391.923

4. Hàng tồn kho

		30/06/12	01/01/12
Công cụ, dụng cụ			
Chi phí gia công			
Thành phẩm tồn kho			
Hàng hóa		108.946.894.578	90.159.909.339
Cộng		108.946.894.578	90.159.909.339

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0 3 0 3 5 2 2 0 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

5. Tài sản ngắn hạn khác

		30/06/12	01/01/12
Chi phí trả trước	1	133.666.634	137.338.634
Thuế GTGT được khấu trừ	2	13.494.785.415	7.356.118.058
Thuế & các khoản phải thu NN	3		
Tài sản ngắn hạn khác	4	8.727.321.094	150.803.069.430
+ Các khoản tạm ứng	a	94.850.000	188.060.000
+ Các khoản khác	b		
+ Các khoản ký quỹ/ LC	c	8.632.471.094	150.615.009.430
Cộng		22.355.773.143	158.296.526.122

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	<u>26.324.680.901</u>	<u>186.929.800</u>	<u>8.454.691.449</u>	<u>13.483.511.676</u>	<u>48.449.813.826</u>
Tăng			8.339.422.728	27.200.000	8.366.622.728
Giảm					
Số dư cuối kỳ	<u>26.324.680.901</u>	<u>186.929.800</u>	<u>16.794.114.177</u>	<u>13.510.711.676</u>	<u>56.816.436.554</u>
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	<u>2.351.194.000</u>	<u>136.945.010</u>	<u>5.884.216.601</u>	<u>6.104.242.132</u>	<u>14.476.597.743</u>
Tăng	693.280.056	15.099.462	496.657.725	1.397.617.501	2.602.654.744
Giảm					
Số dư cuối kỳ	<u>3.044.474.056</u>	<u>152.044.472</u>	<u>6.380.874.326</u>	<u>7.501.859.633</u>	<u>17.079.252.487</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	23.973.486.901	49.984.790	2.570.474.848	7.379.269.544	33.973.216.083
Số dư cuối kỳ	<u>23.280.206.845</u>	<u>34.885.328</u>	<u>10.413.239.851</u>	<u>6.008.852.043</u>	<u>39.737.184.067</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0 3 0 3 5 2 2 0 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất		Cộng
<u>Nguyên giá</u>				
Số dư đầu năm	<u>354.393.816</u>	<u>37.332.567.430</u>		<u>37.686.961.246</u>
Tăng				
Giảm				
Số dư cuối kỳ	<u>354.393.816</u>	<u>37.332.567.430</u>		<u>37.686.961.246</u>
<u>Hao mòn lũy kế</u>				
Số dư đầu năm	<u>240.070.160</u>	<u>321.280.000</u>		<u>561.350.160</u>
Tăng	16.778.682	51.336.414		68.115.096
Giảm				
Số dư cuối kỳ	<u>256.848.842</u>	<u>372.616.414</u>		<u>629.465.256</u>
<u>Giá trị còn lại</u>				
Số dư đầu năm	114.323.656	37.011.287.430		37.125.611.086
Số dư cuối kỳ	<u>97.544.974</u>	<u>36.959.951.016</u>		<u>37.057.495.990</u>

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/12	01/01/12
Đầu tư vào công ty con	6.1	265.584.000.000	235.584.000.000
Đầu tư vào công ty L/ doanh - L/ Kết	6.2	22.550.000.000	1.750.000.000
Đầu tư dài hạn khác	6.3	81.396.618.092	81.396.618.092
Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn		(29.576.371.544)	(26.668.089.374)
Cộng		339.954.246.548	292.062.528.718

6.1

Đầu tư vào công ty con

Số lượng CP

30/06/12

Giá trị đầu tư

Công ty TNHH Thép SMC

60.000.000.000

Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương

30.000.000.000

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC

100.000.000.000

Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước

30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0303522206

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Thép SMC	20.000.000.000
Công ty CP SMC Hà Nội (Hải Việt cũ)	25.584.000.000
Cộng	265.584.000.000

6.2		30/06/12
<i>Đầu tư vào công ty LDLK</i>	Số lượng CP	Giá trị đầu tư
SMC - SUMMIT LLC		20.800.000.000
Công ty CP SXTM Vật Tư Sao Việt		1.750.000.000
Cộng		22.550.000.000

6.3		30/06/12
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	Số lượng CP	Giá trị đầu tư
NM Cơ Khí Luyện Kim	30.000	510.000.000
Ngân hàng CP Công Thương	200.000	3.420.158.718
Công ty CP Đầu tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000
Công ty CP Đầu tư Nam Long	1.000	10.000.000.000
Cty CP Thép Nhà Bè	115.000	2.720.000.000
Cty CP Thép Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000
Công ty CP Thép - Thép Việt	1.200.000	28.695.652.174
Cty CP Thép Biên Hòa	473.170	12.175.807.200
Cộng	3.869.170	81.396.618.092

7. Tài sản dài hạn khác

	30/06/12	01/01/12
Chi phí trả trước dài hạn		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản dài hạn khác	3.005.084.668	3.945.813.468
<i>Ký quỹ dài hạn (thuê tài chính tại VILC)</i>	3.005.084.668	3.005.084.668
<i>Ký quỹ dài hạn (thuê tài chính tại CILC)</i>		940.728.800
Cộng	3.005.084.668	3.945.813.468

8. Nợ ngắn hạn

	30/06/12	01/01/12
Vay/ nợ ngắn hạn	V13 665.863.998.452	546.070.792.133
Phải trả người bán	566.705.783.852	715.252.480.611

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0 3 0 3 5 2 2 0 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

Người mua trả tiền trước		49.481.013.363	90.847.569.026
Thuế & các khoản nộp NS	V15	3.689.752.286	3.543.992.170
Phải trả người lao động		1.519.420.000	1.592.800.000
Chi phí phải trả (Lãi vay ngắn hạn NH)		793.798.887	2.071.213.829
Phải trả/ nộp ngắn hạn khác	V18	2.726.425.570	2.423.747.584
Quỹ Khen thưởng/ PLTT		3.690.550.783	5.219.173.375
Cộng		1.294.470.743.193	1.367.021.768.728

V13	01/01/12	Phát sinh 01/01 - 30/06/2012		30/06/12
		Tăng	Giảm	
Vay & Nợ ngắn hạn				
Vietinbank - SGD2	25.620.363.049	517.709.625.237	231.483.584.741	311.846.403.545
Ngân hàng HSBC	114.079.517.018	624.910.239.595	578.489.757.607	160.499.999.006
Ngân hàng Liên Việt				-
Ngân Hàng Quân Đội				-
Ngân hàng ANZ	182.400.000.000	1.084.007.300.074	1.266.407.300.074	-
Ngân hàng VCB	128.419.197.878	333.364.339.283	330.851.507.260	130.932.029.901
Hong Leong Bank	39.000.000.000	113.025.857.634	132.025.857.634	20.000.000.000
NH DT& PT VN - Gia Định	27.800.000.000		27.800.000.000	-
NH DT& PT VN - Bến Thành		255.782.210.305	255.782.210.305	-
Standard Chartered Bank		20.000.000.000	20.000.000.000	-
Sacom Bank - CN Saigon		20.570.665.542	20.570.665.542	-
Vay cá nhân	27.694.566.000	19.031.000.000	4.140.000.000	42.585.566.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.057.148.188		1.057.148.188	-
Cộng	546.070.792.133	2.988.401.237.670	2.868.608.031.351	665.863.998.452

V.15	30/06/12	01/01/12
Thuế & các khoản nộp NSNN		
Thuế Nhập khẩu		
Thuế GTGT		
Thuế GTGT hàng Nhập khẩu		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.501.394.534	3.242.051.754
Thuế Thu nhập các nhân	188.357.752	301.940.416
Cộng	3.689.752.286	3.543.992.170

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0 3 0 3 5 2 2 2 0 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

V.18

	30/06/12	01/01/12
Các khoản phải nộp ngắn hạn khác		
KPCĐ, BHXH, BHYT, BH Thất Nghiệp ...	500.433.542	287.777.510
Chi phí tư vấn phát hành chứng khoán		702.821.350
Tạm giữ tiền của Công ty Sao Việt		1.120.000.000
Khác	2.225.992.028	313.148.724
Cộng	2.726.425.570	2.423.747.584

9. Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	01/01/12	Lũy kế 01/01 - 30/06/12		30/06/12
		Tăng	Giảm	
Nguồn vốn kinh doanh	295.183.610.000			295.183.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	153.531.767.160			153.531.767.160
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)			(142.489.800)
CL tỷ giá hối đoái				
Quỹ đầu tư phát triển	65.997.808.961			65.997.808.961
Quỹ dự phòng tài chính	11.861.832.312			11.861.832.312
Lợi nhuận chưa phân phối	430.922.842	50.364.451.190	14.945.825.000	35.849.549.032
Cộng	526.863.451.475	50.364.451.190	14.945.825.000	562.282.077.665

VI. HÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6T đầu năm 2012	6T đầu năm 2011
Doanh thu bán hàng	3.715.073.114.869	3.589.243.686.927
Doanh thu dịch vụ	506.160.000	332.580.000
Các khoản giảm trừ	(1.346.358.299)	(3.167.737.764)
Doanh thu thuần	3.714.232.916.570	3.586.408.529.163

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0303522206

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

2. Giá vốn hàng bán

	6T đầu năm 2012	6T đầu năm 2011
Giá vốn hàng hóa	3.655.062.792.788	3.507.244.659.760
Cộng	3.655.062.792.788	3.507.244.659.760

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6T đầu năm 2012	6T đầu năm 2011
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.165.965.298	3.375.683.139
Lãi ký quỹ	213.779.827	45.000.000
Doanh thu chứng khoán	4.243.518.000	1.433.050.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.349.674.525	2.722.375.240
Lãi TGTK	1.474.779.364	
Khác	1.477.163.815	
C/ lệch tỷ giá hối đoái	2.207.378.990	6.384.747.186
Lãi từ các khoản cho vay	2.251.818.055	892.800.000
Cộng	56.384.077.874	14.853.655.565

4. Chi phí tài chính

	6T đầu năm 2012	6T đầu năm 2011
Chi phí lãi vay	27.210.077.329	37.615.056.248
Giá vốn, chi phí.. chứng khoán	4.261.312.037	1.501.270.352
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng tài chính	1.406.540.227	8.534.047.951
C/ lệch tỷ giá hối đoái	2.457.804.515	3.497.371.622
Khác	1.009.238.000	
Cộng	36.344.972.108	51.147.746.173

5. Chi phí bán hàng

	6T đầu năm 2012	6T đầu năm 2011
Chi phí nhân viên	3.307.979.331	3.641.056.967
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.836.000	10.515.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.189.594.837	731.280.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.225.571.332	8.562.529.494
Chi phí bằng tiền khác	618.845.805	1.815.324.064
Cộng	12.343.827.305	14.760.706.793

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0303522206

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6T đầu năm 2012	6T đầu năm 2011
Chi phí nhân viên	4.447.347.339	4.249.491.211
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng VP	66.156.272	114.493.412
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.476.100.003	1.443.095.336
Chi phí thuê, lệ phí..		
Chi phí/ hoàn nhập DP phải thu khó đòi	3.835.868.091	(48.626.539)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.028.312.283	7.724.349.228
Chi phí bằng tiền khác	1.311.766.079	1.513.638.881
Cộng	17.165.550.067	14.996.441.529

7. Thu nhập khác

	6T đầu năm 2012	6T đầu năm 2011
Thu lãi chậm thanh toán	4.548.487.510	343.044.155
Thu nhập do được hỗ trợ phí thư bảo lãnh	460.750.000	286.000.000
Thu lãi sử dụng vốn		1.012.222.222
Thu do thanh lý nhượng bán TSCĐ		20.000.000
Kiểm kê hàng hóa	586.776.494	
Khác	81.908.276	142.665.059
Cộng	5.677.922.280	1.803.931.436

8. Chi phí khác

	6T đầu năm 2012	6T đầu năm 2011
Các khoản tiền phạt	200.000	
Kiểm kê hàng hóa	237.883.722	
Chi phí thanh lý, bán TSCĐ		
Vi phạm hành chính		3.000.000
Chi phí khác	13.048.571	18.791.683
Cộng	251.132.293	21.791.683

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI SMC

Địa chỉ: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0303522206

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý II & 6 tháng đầu năm 2012

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu tài chính SMC (Tổng Hợp)	Quý II/ 2012	Quý II/ 2011
<u>1. Cơ cấu tài sản & nguồn vốn</u>		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	76,94%	76,94%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	23,06%	23,06%
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	69,72%	68,92%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	30,28%	31,08%
<u>2. Khả năng thanh toán</u>		
Khả năng thanh toán hiện hành	1,43	1,45
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,10	1,18
Khả năng thanh toán nhanh	0,06	0,02
<u>3. Tỷ suất sinh lời</u>		
Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	1,48%	0,42%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,36%	0,33%
Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	2,97%	0,91%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2,71%	0,73%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	8,96%	2,34%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	17,06%	4,82%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2012



[Signature]
 Nguyễn Văn Phóng
 Người lập biểu

[Signature]
 Nguyễn Bình Trọng
 Kế toán trưởng

[Signature]
 Nguyễn Ngọc Anh
 Tổng Giám đốc